

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN DU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2021

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN DU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

| TT | Họ và tên | Chức danh, chức vụ | Nhiệm vụ | Chữ ký |
|----|--------------------|-------------------------|-----------------------|--------|
| 1 | Lê Anh Tuấn | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng | |
| 2 | Nguyễn Thị Ái Vi | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng | |
| 3 | Đinh Thị Sen | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng | |
| 4 | Nguyễn Văn Phước | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Thư ký Hội đồng | |
| 5 | Nguyễn Trường Thi | Bí Thư Đoàn thanh niên | Ủy viên Hội đồng | |
| 6 | Nguyễn Thị Vân Anh | Tổ trưởng Tổ văn phòng | Ủy viên Hội đồng | |
| 7 | Hồ Minh Toàn | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng | |
| 8 | Vũ Thị Hà | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng | |

| | | | | |
|----|--------------------|-------------------------|------------------|--|
| 9 | Phạm Thị Kim Phúc | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng | |
| 10 | Lâm Thị Tùng | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng | |
| 11 | Phan Thị Nhân | Kế toán | Ủy viên Hội đồng | |
| 12 | Mai Thị Loan | Thư viện | Ủy viên Hội đồng | |
| 13 | Hồ Thị Phương Như | Nhân Viên | Ủy viên Hội đồng | |
| 14 | Nguyễn Thị Thi Thơ | Tổ phó CM | Ủy viên Hội đồng | |
| 15 | Bùi Đăng Nghĩa | Tổ phó CM | Ủy viên Hội đồng | |
| 16 | Dương Đại Thế | Tổ phó CM | Ủy viên Hội đồng | |
| 17 | Lê Hữu Hiếu | Tổ phó CM | Ủy viên Hội đồng | |
| 18 | Nguyễn Tiên Dũng | Tổ phó CM | Ủy viên Hội đồng | |
| 19 | Nguyễn Kim San | Phó BT Đoàn Trường | Ủy viên Hội đồng | |
| 20 | Nguyễn Văn Cường | | Ủy viên Hội đồng | |

ĐẮK NÔNG - 2021

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|--|--------------|
| Mục lục | 1 |
| Danh mục các chữ viết tắt | 4 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 5 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 7 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 14 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 | 14 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 15 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 17 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 20 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học | 22 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 23 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 25 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 26 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 28 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 29 |

| | |
|---|-----------|
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i> | 32 |
| Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh | 32 |
| Mở đầu | 32 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 32 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 34 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 36 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 37 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i> | 40 |
| Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học | 40 |
| Mở đầu | 40 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | 40 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học | 42 |
| Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị | 43 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 44 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 45 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 46 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i> | 48 |
| Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 48 |
| Mở đầu | 48 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 49 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 50 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i> | 52 |
| Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | 52 |
| Mở đầu | 52 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông | 52 |

| | |
|--|-----------|
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | 55 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định | 56 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | 58 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh | 59 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục | 61 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i> | 64 |
| II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4 | 65 |
| Tiêu chí 1 | 65 |
| Tiêu chí 2 | 65 |
| Tiêu chí 3 | 65 |
| Tiêu chí 4 | 65 |
| Tiêu chí 5 | 65 |
| Tiêu chí 6 | 66 |
| <i>Kết luận</i> | 66 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 66 |
| Phần IV. PHỤ LỤC | 67 |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | Cụm từ viết tắt | Cụm từ đầy đủ |
|------------|------------------------|---|
| 1 | ✓ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 2 | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 3 | THPT | Trung học phổ thông |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
| | Không đạt | Đạt | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 | | X | X | ✓ |
| Tiêu chí 1.3 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 | | X | X | ✓ |
| Tiêu chí 1.8 | | X | X | ✓ |
| Tiêu chí 1.9 | | X | X | ✓ |
| Tiêu chí 1.10 | | X | X | ✓ |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 | | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 | | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 | | X | X | X |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 | | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 | | X | X | X |

| | | | | |
|---------------------|--|---|---|---|
| Tiêu chí 3.4 | | X | X | ✓ |
| Tiêu chí 3.5 | | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 | | X | X | X |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 | | X | X | X |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | X | X | X |
| Tiêu chí 5.2 | | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 | | X | X | ✓ |
| Tiêu chí 5.4 | | X | X | ✓ |
| Tiêu chí 5.5 | | X | X | X |
| Tiêu chí 5.6 | | X | X | X |

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

| Tiêu chí | Kết quả | | Ghi chú |
|------------|---------|-----------|---------|
| | Đạt | Không đạt | |
| Tiêu chí 1 | | X | |
| Tiêu chí 2 | | X | |
| Tiêu chí 3 | | X | |
| Tiêu chí 4 | | X | |
| Tiêu chí 5 | | X | |
| Tiêu chí 6 | | X | |

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN DU

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Đắk Nông

| | | | |
|--|------------------|------------------------------|---------------------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK NÔNG | Họ và tên hiệu trưởng | Lê Anh Tuấn |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Đắk Mil | Điện thoại | |
| Xã / phường/thị trấn | Thị Trấn Đắk Mil | Fax | |
| Đạt CQG | | Website | c3nguyendu.daknong.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2011 | Số điểm trường | |
| Công lập | √ | Loại hình khác | |
| Tư thục | | Thuộc vùng khó khăn | |
| Trường chuyên biệt | | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | √ |
| Trường liên kết với nước ngoài | | | |

1. Số lớp học

| Số lớp học | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 |
|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 10 | 8 | 7 | 7 | 8 | 8 |
| Khối lớp 11 | 6 | 7 | 8 | 8 | 8 |
| Khối lớp 12 | 7 | 7 | 7 | 6 | 7 |

| | | | | | |
|-------------|----|----|----|----|----|
| Cộng | 21 | 21 | 22 | 22 | 23 |
|-------------|----|----|----|----|----|

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT | Số liệu | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Ghi chú |
|----------|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 30 | 30 | 38 | 38 | 38 | |
| 1 | Phòng học | 22 | 22 | 22 | 23 | 23 | |
| a | Phòng kiên cố | 22 | 22 | 22 | 23 | 23 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Phòng học bộ môn | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | |
| a | Phòng kiên cố | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | |
|------------|--|---|---|---|---|---|--|
| 3 | Khối phục vụ học tập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| II | Khối phòng hành chính-quản trị | 0 | 0 | 8 | 8 | 8 | |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 8 | 8 | 8 | |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | |
|--|-------------|--|--|--|--|--|--|
| | Cộng | | | | | | |
|--|-------------|--|--|--|--|--|--|

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

| | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo | | | Ghi chú |
|-----------------|---------|----|---------|------------------|-----------|------------|---------|
| | | | | Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | |
| Phó hiệu trưởng | 3 | 2 | 10 | 0 | 3 | 0 | |
| Giáo viên | 46 | 27 | 2 | 0 | 46 | 0 | |
| Nhân viên | 6 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| Cộng | 56 | 29 | 12 | 0 | 50 | 0 | |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 |
|----|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tổng số giáo viên | 43 | 46 | 46 | 46 | 46 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2.1 | 2.2 | 2.1 | 2.1 | 2 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0.056 | 0.061 | 0.055 | 0.053 | 0.046 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 22 | 25 | 28 | 30 | 30 |

| | | | | | | |
|---|--|----|----|----|----|----|
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 20 | 20 | 20 | 20 | 20 |
| 6 | Các số liệu khác (nếu có) | | | | | |

4. Học sinh

a) Số liệu chung

| TT | Số liệu | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Ghi chú |
|----|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| 1 | Tổng số học sinh | 772 | 754 | 842 | 861 | 958 | |
| | - Nữ | 417 | 419 | 457 | 441 | 475 | |
| | - Dân tộc | 52 | 58 | 79 | 70 | 87 | |
| | - Khối lớp 10 | 302 | 271 | 326 | 317 | 381 | |
| | - Khối lớp 11 | 238 | 268 | 253 | 296 | 295 | |
| | - Khối lớp 12 | 232 | 215 | 263 | 248 | 282 | |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 350 | 350 | 350 | 350 | 404 | |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 772 | 754 | 842 | 861 | 958 | |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 36.8 | 35.9 | 38.3 | 39.1 | 41.6 | |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 99 | 99 | 99 | 99 | 99 | |
| | - Nữ | 99 | 99 | 99 | 99 | 99 | |
| | - Dân tộc thiểu số | 99 | 99 | 99 | 99 | 99 | |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | |
|----|---|----|----|----|----|----|--|
| | h (nếu có) | | | | | | |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | | | | | | |
| | - Nữ | 21 | 31 | 38 | 31 | 44 | |
| | - Dân tộc thiểu số | 52 | 58 | 79 | 70 | 87 | |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 12 | Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | Các số liệu khác (nếu có) | | | | | | |

b) Kết quả giáo dục

| Số liệu | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Ghi chú |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 40 | 50 | 44 | 56 | 54 | |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 341 | 331 | 372 | 339 | 367 | |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình | 380 | 370 | 420 | 450 | 503 | |

| | | | | | | |
|--|-----|-----|-----|-----|-----|--|
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 11 | 2 | 5 | 15 | 34 | |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 614 | 646 | 667 | 704 | 761 | |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 148 | 101 | 157 | 152 | 181 | |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 10 | 6 | 17 | 4 | 16 | |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường THPT Nguyễn Du có trụ sở đóng tại trung tâm Xã Đăk Săk, huyện Đăk Mil, một huyện nằm ở cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Đăk Nông. Huyện Đăk Mil là một trong những huyện có điều kiện kinh tế xã hội khá phát triển so với các huyện khác trong tỉnh.

Tiền thân của trường THPT Nguyễn Du được thành lập theo Quyết định số 491/QĐ-UB ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đăk Nông. Đến nay nhà trường có 22 lớp với gần 900 học sinh và 56 cán bộ, gv, nv.

2. Mục đích tự đánh giá:

Tự đánh giá giúp cho nhà trường xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Bên cạnh đó còn khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận nhà trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động Tự đánh giá:

Mặc dù sự thay đổi nhân sự trong Ban giám hiệu nhà trường gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý nhưng nhà trường đã nhận được những định hướng và sự giúp đỡ thường xuyên của phòng Giáo dục trung học và Quản lý chất lượng của Sở GD&ĐT trong quá trình tự đánh giá.

Cán bộ viên chức, học sinh đều được quán triệt, thống nhất trong nhận thức và hành động về mục đích của công tác tự đánh giá, coi đây là một biện pháp quan trọng và hữu hiệu để tăng cường chất lượng đào tạo.

Sau khi đăng ký tham gia tự đánh giá kiểm định chất lượng, nhà trường đã tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên, thành lập hội đồng và các tiểu ban. Hội đồng tự đánh giá của nhà trường gồm 20 thành viên do Hiệu trưởng làm chủ tịch hội đồng, thành lập 06 tiểu ban chuyên trách. Tất cả các thành viên tham gia công tác tự đánh giá luôn nghiêm túc thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch đã đề ra.

Trong việc thu thập các minh chứng, Nhà trường đã nhận được sự hưởng ứng và tham gia rộng rãi của tất cả các đơn vị và cá nhân, các đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh), các tổ chức xã hội và các cơ quan bên ngoài.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THPT Nguyễn Du xác định: Tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, giữ vai trò quyết định đến hiệu quả và chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được mọi thành viên của nhà trường tham gia xây dựng, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và thống nhất cao trong tổ chức thực hiện.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, lớp học đủ về số lượng và có cơ cấu tổ chức, có kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập, có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác như Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia, hội Chữ Thập đỏ, hội Khuyến học... thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Quản lý hành chính, tài chính, tài sản được nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định, có sự ưu tiên cho những nhiệm vụ trọng tâm từng năm học. Tài sản nhà trường được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, được quan tâm bổ sung, sửa chữa kịp thời, đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhà trường, phù hợp với yêu cầu của đổi mới giáo dục.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phân công, sử dụng hợp lý đảm bảo hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ.

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo; môi trường, cảnh quan nhà trường sạch, đẹp góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục và hình ảnh, uy tín của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia

của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn và thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua các buổi họp cơ quan đầu năm, họp cơ quan hàng tháng, họp định kỳ Hội đồng trường, họp tổ chuyên môn, đoàn thể. Nhà trường tổ chức các hoạt động để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường [H1-1.1-01] và được đăng tải hình ảnh tư liệu hoạt động trên trang web nhà trường [H1-1.1-04]

a) Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, nhà trường đã xây dựng Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; Đề án vị trí việc làm; Kế hoạch phát triển Giáo dục giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học. Các đề án, nghị quyết, kế hoạch của nhà trường được xây dựng rõ ràng, phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT được quy định tại Luật Giáo dục; phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của nhà trường [H1-1.1-01][H1-1.1-02] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-05],[H2-1.2-07] .

b) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 được xác định bằng văn bản và được Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông phê duyệt [H7-1.7-05][H1-1.1-03]

c) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đã được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh được biết, được niêm yết tại bảng thông báo phòng Hội đồng; và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của nhà trường c3nguyendu.daknong@moet.edu.vn[H1-1.1-04]

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn và thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua các buổi họp cơ quan đầu năm, họp cơ quan hàng tháng, họp định kỳ Hội đồng trường, họp tổ chuyên môn, đoàn thể. Nhà trường tổ chức các hoạt động để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường [H1-1.1-01] [H1-1.1-02] [H1-1.1-03] và được đăng tải hình ảnh tư liệu hoạt động trên trang web nhà trường [H1-1.1-04] .

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-06]; và các Nghị quyết của Hội đồng trường. Khi tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch phát triển được xây dựng bằng văn bản xác định rõ mục tiêu phấn đấu, nhiệm vụ trọng tâm và biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn của nhà trường.

Nội dung các mục tiêu và giải pháp thực hiện trong kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương và mục tiêu giáo dục cấp THPT được quy định tại Luật Giáo dục.

Kế hoạch phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến và được thống nhất thực hiện với sự tham gia của mọi thành viên trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến 2035.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 nhà trường sẽ xây dựng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2035 phù hợp với điều kiện hiện có của nhà trường, với định hướng đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội địa phương; đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt, là cơ sở để nhà trường phấn đấu, phát triển, khẳng định và đi lên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Nguyễn Du là trường công lập, có Hội đồng trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học (do SGD & ĐT ra quyết định). Ngoài ra, nhà trường còn có Hội đồng thi đua, Khen thưởng được thành lập từ đầu mỗi năm học và các hội đồng như Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục và tiến tới công nhận đạt chuẩn quốc gia; Hội đồng hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, Hội đồng kỷ luật học sinh (được thành lập khi có học sinh vi phạm tới mức phải tiến hành kỷ luật), Ban Tư vấn tâm lý học sinh (những cán bộ, giáo viên đã được tập huấn và đủ điều kiện), ngày hội STEM thi làm đồ dùng dạy học cấp trường năm học 2020-2021.[H2-1.2-01][H2-1.2-02]

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường; Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-1.2-03][H2-1.2-01] [H2-1.2-02] [H2-1.2-04] .

c) Các hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường được định kì được thực hiện và soát đánh giá, được thể hiện trong Sổ ghi nghị quyết của nhà trường và của Hội đồng trường [H2-1.2-03] và trong các báo cáo Sơ kết, Tổng kết năm học [H2-1.2-07] .

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được thể hiện trong Sổ ghi nghị quyết của trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-01],[H1-1.1-02] trong hồ sơ thi đua của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H2-1.2-07] . Trong năm học 2020-2021, nhà trường có 19 sáng kiến kinh nghiệm được cấp ngành công nhận với 0 loại A, 05 loại B và 14 loại C; công nhận thêm 11 giáo viên dạy giỏi cấp trường; và có 05 sản phẩm đồ dùng dạy học tự làm giải A cấp trường [H2-1.2-07] .

2. Điểm mạnh

Các hội đồng được thành lập đúng cơ cấu và thành phần được quy định trong Điều lệ trường trung học và hướng dẫn của cấp trên. Các thành viên của các hội đồng thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, đúng chức năng, dân chủ, trách nhiệm, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy thi đua và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường mỗi năm học.

3. Điểm yếu

Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Hội đồng trường từ năm học 2019-2020.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu thành lập Hội đồng trường từ năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các tổ chức: Công đoàn; đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; hội Khuyến học[H3-1.3-01] ,[H3-1.3-05] .

b) Các tổ chức đều hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục, thể hiện trong kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể; và các văn bản có liên quan của các tổ chức khác [H3-1.3-02], [H3-1.3-04].

c) Hàng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá; được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hoặc các văn bản của cấp có thẩm quyền có đánh giá về hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức khác[H3-1.3-04], [H3-1.3-06],[H3-1.3-07].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ nhà trường hiện nay có 23 đảng viên trong đó 22 đảng viên chính thức 01 đảng viên dự bị. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện trong các sổ sách theo quy định của Chi bộ; các văn bản của cơ quan chức năng có nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng[H3-1.3-01] [H3-1.3-02] [H3-1.3-03].

Trong 05 năm liền (từ năm 2017 đến năm 2021), Chi bộ nhà trường được phân loại “ *Hoàn thành tốt nhiệm vụ* ” 2 năm, 3 năm “ *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ* ” [H3-1.3-07] .

b) Công đoàn và đoàn thanh niên cũng là những tổ chức nhiều năm liền được xếp loại xuất sắc. Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường thể hiện ở các đánh giá, ghi nhận của cấp trên qua các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên tặng cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường giấy khen của huyện đoàn... và qua các hình ảnh hoạt động vì cộng đồng như chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ địa phương; thăm và tặng quà Tết cho các cụ già neo đơn; quyên góp chia sẻ, ủng hộ nạn nhân bị tai nạn giao thông; hiến máu nhân đạo; tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây, hoa trong khuôn viên trường [H3-1.3-03] [H3-1.3-04] .

Mức 3:

a) Trong 05 năm liền kể trước khi đề nghị công nhận tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có 2 năm *hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*[H3-1.3-07] .

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường thể hiện ở các đánh giá, ghi nhận của cấp trên qua các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên tặng cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường như Giấy khen của huyện đoàn... và qua các hình ảnh hoạt động vì cộng đồng như chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ địa phương; thăm và tặng quà Tết cho các cụ già neo đơn; cứu ứng giúp nhân dân; quyên góp chia sẻ, ủng hộ nạn nhân bị tai nạn giao thông; hiến máu nhân đạo; tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây, hoa trong khuôn viên trường và đường hoa công trình thanh niên 2019[H3-1.3-04] .

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể (Công đoàn, đoàn Thanh niên) và tổ chức khác. Chi bộ Đảng, các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, đều được cấp trên đánh giá có kết quả hoạt động tốt, được khen ngợi, góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục. Đoàn Thanh niên trường có nhiều hoạt động đổi mới, tích cực trong công tác, được huyện Đoàn tặng giấy khen năm 2019. Công đoàn trường có nhiều hoạt động có chất lượng, được các đơn vị bạn đánh giá cao

3. Điểm yếu

Chưa có hệ thống lưu giữ các loại hồ sơ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lưu giữ các loại hồ sơ cẩn thận, khoa học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định

Trường THPT Nguyễn Du có hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông bổ nhiệm[H4-1.4-01].

- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định

Nhà trường có 05 tổ chuyên môn và một tổ văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng và 01 tổ phó chịu sự quản lý chỉ đạo của hiệu trưởng, do hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học. Tổ Văn phòng gồm viên chức làm công tác văn thư –thủ quỹ; kế toán; nhân viên thư viện và nhân viên quản lý thiết bị; tổ Văn phòng có tổ trưởng và 01 tổ phó, do hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm

vụ. Hiệu trưởng sinh hoạt cùng tổ văn phòng; các phó hiệu trưởng sinh hoạt theo tổ chuyên môn[H4-1.4-02].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, đợt. Dựa trên kế hoạch xây dựng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ trường trung học phổ thông, được thể hiện trong hồ sơ của các tổ; Sở nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường; Báo cáo sơ kết, tổng kết; các loại biên bản về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định và các loại biên bản về đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm học 2020-2021 [H4-1.4-03],[H4-1.4-05],[H4-1.4-06] ,[H4-1.4-07].

Mức 2:

a) Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, dựa trên nhu cầu thực tế của nhà trường, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề chuyên môn. Mỗi tổ đã đề xuất ít nhất 01 chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục [H4-1.4-03],[H4-1.4-06].

b) Hàng tháng, theo qui định, tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt tổ 2 lần. Nội dung sinh hoạt: đánh giá các công tác đã thực hiện trong tháng; xây dựng kế hoạch bài học, dự giờ theo hướng đổi mới; đề ra kế hoạch cho thời gian kế tiếp. Cuối học kỳ và cuối năm học các tổ chuyên môn và tổ văn phòng tiến hành kiểm tra, đánh giá xếp loại hồ sơ cá nhân, việc thực hiện quy chế chuyên môn và các hoạt động giáo dục khác để đánh giá thi đua, đánh giá viên chức theo quy định[H4-1.4-05],[H4-1.4-04],[H4-1.4-07].

Mức 3:

a) Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường[H4-1.4-03],[H4-1.4-07],[H4-1.4-08],[H4-1.4-09].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục[H4-1.4-07],[H4-1.4-08],[H4-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định. Các tổ có cơ cấu, tổ chức, có kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng theo quy định.

Số chuyên đề chuyên môn hàng năm tổ chuyên môn đề xuất nhiều, có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

3. Điểm yếu

Chất lượng hồ sơ và việc lưu minh chứng các hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường hướng dẫn, yêu cầu cụ thể các tổ chuyên môn và tổ văn phòng về hồ sơ và lưu trữ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp; lớp học đ ược tổ chức theo quy đ ịnh;
- c) Lớp học hoạt đ ộng theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy đ ịnh.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy đ ịnh tại quy chế tổ chức và hoạt đ ộng của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Nguyễn Du đ ược thành lập năm từ 2011. Năm học 2020-2021, năm học thứ 10 của nhà trường, nhà trường có đủ 3 khối lớp là khối lớp 10, khối lớp 11 và khối lớp 12 thể hiện trong sổ đ ăng bộ học sinh [H5-1.5-01] và trong sổ điểm lớn của các lớp [H5-1.5-05] .

b) Trong mỗi năm học, học sinh đ ược tổ chức theo lớp học; lớp học đ ược tổ chức theo quy đ ịnh (Điều 15. Điều lệ trường trung học). Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp gồm lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra; trong mỗi lớp đ ược chia thành 4 tổ học sinh; mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng và tổ phó do các thành viên trong tổ bầu ra. Việc bầu ra lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó đ ược thực hiện vào đầu mỗi năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp [H5-1.5-02] ;[H5-1.5-04]

c) Nhà trường đã thực hiện cho các lớp học hoạt đ ộng theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, dưới sự đ ịnh hướng của nhà trường, sự cố vấn, hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. Mỗi lớp đều có Ban cán sự lớp, cán bộ đoàn đ ược thành lập theo một quy trình dân chủ, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính mình. Phát huy quyền làm chủ trong quá trình học tập, giáo dục. Học sinh có điều kiện hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, đ ược rèn các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt đ ộng ở lớp, trường. Mỗi lớp có quỹ lớp, thủ quỹ và các thành viên trong lớp đ ược dân chủ bàn bạc, thống nhất việc trang bị các dụng cụ dùng chung, tự quản của lớp (rèm cửa, dụng cụ trực nhật, bình nước...) trên cơ sở có sự đ ồng ý của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh [H5-1.5-02], [H5-1.5-03], [H5-1.5-04] .

Mức 2:

Năm học 2020-2021, nhà trường có 23 lớp với 8 lớp 10, 8 lớp 11 và 7 lớp 12; sĩ số bình quân các lớp không quá 45 học sinh thể hiện ở chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp đ ược phê duyệt và danh sách trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông hàng năm của nhà trường [H5-1.5-05] ;[H5-1.5-06] ;

Mức 3:

Năm học 2020-2021, nhà trường có 23 lớp với 8 lớp 10, 8 lớp 11 và 7 lớp 12; sĩ số bình quân các lớp không quá 45 học sinh thể hiện ở chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp được phê duyệt và danh sách trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông hàng năm của nhà trường [H5-1.5-01] [H5-1.5-05] ;[H5-1.5-06] ;

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ các lớp của cấp học trung học phổ thông;
- Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, có sự định hướng của nhà trường và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh;
- Số lớp của nhà trường không quá 45; sĩ số bình quân mỗi lớp không quá 45 học sinh.
- Nhà trường đã được công nhận 10 giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh trước năm học 2020-2021.

3. Điểm yếu

Chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp các năm học (từ năm học 2014-2015 đến năm học 2019-2020) đều định mức không quá 45 học sinh/lớp, song có năm học được duyệt số học sinh trúng tuyển hơn học sinh; hoặc do năm học trước có học sinh lưu ban lại hoặc do số học sinh chuyển đến nhiều hơn số học sinh chuyển đi trong năm học và do nhà trường tạo điều kiện tối đa cho việc đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng học theo lớp có cùng tổ hợp tự chọn nên thực tế nhà trường còn một số lớp có sĩ số hơn 45 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Ngay đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm các lớp tổ chức, hướng dẫn cho học sinh trong lớp bầu lớp trưởng, lớp phó; học sinh trong mỗi tổ bầu tổ trưởng, tổ phó; lưu biên bản trong hồ sơ chủ nhiệm và lập danh sách thông tin lớp báo cáo nhà trường.

- Nhà trường tổ chức Hội thảo cấp trường nâng cao chất lượng công tác chủ nhiệm lớp đầu mỗi năm học. Tiếp tục tổ chức Hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường hàng năm nhằm vinh danh các giáo viên chủ nhiệm giỏi và chuẩn bị đủ các điều kiện để dự thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh nếu có.

- Việc đảm bảo sĩ số mỗi lớp không quá 45 học sinh là hoàn toàn khả thi khi mà chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp được phê duyệt là không quá 45 học sinh/lớp như năm học 2020-2021.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện việc quản lý lưu trữ văn bản đi đến theo quy định, hệ thống hồ sơ nhà trường được lưu trữ theo từng năm học, phân loại theo mục và được thực hiện lưu trữ với thời gian theo quy định của luật lưu trữ [H6-1.6-01] .

b) Hằng năm, nhà trường lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, của phòng Kế hoạch - Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông[H6-1.6-08],[H6-1.6-09]. Công khai tài chính được thực hiện theo quy định của nhà nước. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng một cách dân chủ, công khai, được bổ sung và cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế các quy định ban hành[H6-1.6-04],[H6-1.6-06] .

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H6-1.6-07]

Mức 2:

a) Nhà trường sử dụng phần mềm Misa trong công tác kế toán giúp nâng cao hiệu quả việc cập nhật dữ liệu và lập các loại hồ sơ sổ sách kế toán theo quy định[H6-1.6-03] .

b) Trong 06 năm liên kế (từ năm 2015 đến nay) nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính; tài chính; tài sản[H6-1.6-07]

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H6-1.6-08] .

Nhà trường có các tờ trình, văn bản đề nghị với cấp có thẩm quyền nhằm tạo nguồn tài chính hỗ trợ, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị [H6-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định.

Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong nhà trường đảm bảo tính dân chủ, sát thực với điều kiện thực tế, có tính khả thi. Thực hiện chặt chẽ, minh bạch việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí nhà nước cấp chỉ đủ chi lương và một phần chi thường xuyên nên việc tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy chưa đáp ứng được với nhu cầu thực tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Dựa vào các văn bản hướng dẫn, nhà trường sớm ban hành nội quy về công tác văn thư, lưu trữ; thực hiện việc quản lý lưu trữ văn bản đi, đến đúng theo quy định; hệ thống hồ sơ nhà trường lưu trữ theo từng năm học, phân loại theo mục và thực hiện lưu trữ với thời gian theo quy định của luật lưu trữ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, sở nghị quyết của nhà trường, nghị quyết của Hội đồng trường và các văn bản khác có liên quan. Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên bám sát các hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của đơn vị và định hướng phát triển của nhà trường [H7-1.7-01].

b) Đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, trình độ đào tạo, năng lực và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân; sau khi tham khảo ý kiến đề xuất của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường rõ ràng, hợp lý, đúng chuyên môn, định mức theo quy định, có tính ưu tiên (khối 12, tổ hợp tự chọn), tính kế thừa và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi cá nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả công tác [H7-1.7-01], [H7-1.7-02], [H7-1.7-03], [H13-2.3-02].

Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động, thể hiện qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học; kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên; kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn, kết quả

thi đua hàng năm và những ghi nhận của các cơ quan cấp trên về việc nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7-1.7-02], [H7-1.7-03], [H13-2.3-02].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ (trong 05 năm liền kể đã có 03 đồng chí tham gia và hoàn thành lớp trung cấp Lý luận chính trị; 01 đồng chí hoàn thành lớp cao cấp chính trị; 1 đồng chí đang học lớp trung cấp chính trị, các giáo viên của trường đã được tạo những điều kiện thuận tiện để học tập nâng cao trình độ chuyên môn.), được tạo điều kiện để tham gia giảng dạy hoặc giáo dục học sinh, được hưởng đầy đủ tiền lương và phụ cấp theo quy định, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, chính sách và các quyền khác theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác [H7-1.7-01].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Các biện pháp được thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; phân công nhiệm vụ cho CBGVNV; nghị quyết của nhà trường và của Hội đồng trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học; quy chế thi đua nội bộ và quy tắc ứng xử trong nhà trường [H7-1.7-05], [H7-1.7-02], [H2-1.2-03], [H2-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và các giải pháp nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; việc phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách đối với CBGVNV theo quy định.

3. Điểm yếu

Số giáo viên nữ trong độ tuổi sinh đẻ còn nhiều, có năm học có 04 giáo viên nghỉ chế độ thai sản nên liên tục có sự điều chỉnh về phân công chuyên môn.

Một số giáo viên còn hạn chế về việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ đầu mỗi năm học, nhà trường nắm bắt các trường hợp có thể trong diện thai sản trong năm học để có kế hoạch, chủ động trong việc phân công nhiệm vụ hợp lý, ổn định nhất.

Động viên và tiếp tục tạo điều kiện để CBGVNV tích cực tự học, hoàn thiện các chứng chỉ và nâng cao kỹ năng CNTT, ngoại ngữ phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của BGD&ĐT, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, thể hiện trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Năm học 2020 – 2021 nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của tất cả các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường theo hướng sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa (SGK) thành một số bài học theo chủ đề, nhằm tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống và giá trị sống, thực hành pháp luật. Kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn đã được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt [H8-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ. Quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); thực hiện chương trình giáo dục địa phương các môn học theo phân phối chương trình của BGDĐT và tài liệu do Sở GDĐT Đắk Nông ban hành; thực hiện các tiết dạy tự chọn theo đúng hướng dẫn của BGDĐT và Sở GDĐT; có kế hoạch dạy học tự chọn được nhóm chuyên môn xây dựng và thống nhất thực hiện, được thể hiện trên thời khóa biểu, trong sổ ghi đầu bài của các lớp, các biên bản kiểm tra của cấp trên có liên quan và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H8-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, thể hiện trong nghị quyết của nhà trường; các báo cáo sơ kết, tổng kết [H8-1.8-03], [H8-1.8-05].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H8-1.8-06].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc quản lý dạy thêm, học thêm theo Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về dạy thêm học thêm. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường thực hiện đúng theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng dạy, học của đơn vị. Có đầy đủ hồ sơ, có giấy cấp phép trên cơ sở tự nguyện của học sinh, sự đồng thuận của cha mẹ học sinh (CMHS) và giáo viên, thể hiện trên hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm. Nhà trường thường xuyên quán triệt tới cán bộ, giáo viên các quy định của BGD&ĐT, của tỉnh, của ngành về việc dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường [H8-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, lãnh đạo nhà trường, CBGVNV, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tổ chức chỉ đạo thực hiện, có kiểm tra, rà soát thường xuyên với nỗ lực cố gắng cao để thực hiện đầy đủ, có chất lượng các kế hoạch đã đề ra.

Việc quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của cấp trên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chất lượng kế hoạch giáo dục của một số tổ, nhóm chuyên môn và một số giáo viên còn hạn chế; quá trình thực hiện ở một số bộ phận còn chậm so với kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng nâng cao chất lượng các kế hoạch giáo dục, bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình cụ thể của đơn vị, thống nhất cao trong các kế hoạch của nhà trường, các tổ chức đoàn thể, tổ nhóm chuyên môn và của mỗi cá nhân. Các kế hoạch phải rõ ràng về đặc điểm tình hình, nhiệm vụ cụ thể, phân công thực hiện, thời gian hoàn thành, chỉ tiêu, giải pháp và có kiểm tra, rà soát, điều chỉnh cũng như đánh giá kết quả đạt được, đề ra các bài học kinh nghiệm để không ngừng hoàn thiện. Nhà trường tổ chức duyệt kế hoạch, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện để có các quyết định chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng BGD&ĐT)[H9-1.9-01] [H9-1.9-07].

Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức theo đúng hướng dẫn của cấp trên. Hội nghị cán bộ, viên chức được tổ chức lấy ý kiến đóng góp, thảo luận từ cấp tổ đến trực tiếp tại hội nghị về việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường được thể hiện trong các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, của công đoàn trường; các quy chế dân chủ, quy chế thi đua, quy tắc ứng xử trong đơn vị, quy chế chi tiêu nội bộ được dân chủ bàn bạc, thảo luận và thông qua thể hiện trong biên bản và Nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức[H9-1.9-02]

b) Những năm học qua, nhà trường không có hiện tượng tố cáo vượt cấp . Các kiến nghị, phản ánh từ phía CB-GVNV, học sinh và cha mẹ học sinh được nhà trường trực tiếp giải quyết, giải trình kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật trong các cuộc họp cơ quan, họp phụ huynh học sinh, trong Hội nghị cán bộ, viên chức . Nhà trường đã ban hành nội quy tiếp công dân, có phòng tiếp công dân và sổ tiếp công dân theo quy định [H9-1.9-03] [H9-1.9-04] [H9-1.9-05] [H9-1.9-06] .

c) Nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo yêu cầu của cấp trên[H9-1.9-07] .

Mức 2:

Nhà trường có Ban thanh tra nhân dân, ban kiểm tra nội bộ. Ban thanh tra nhân dân thực hiện việc giám sát các hoạt động của nhà trường trong đó có việc thực hiện quy chế dân chủ. Ban kiểm tra nội bộ lên kế hoạch và tổ chức các cuộc kiểm tra thực hiện chức năng nhiệm vụ của lãnh đạo, các tổ chức, cá nhân trong nội bộ nhà trường. Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả được thể hiện qua việc có thành lập hộp thư góp ý, cung cấp số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ cổng thông tin điện tử của nhà trường, hệ thống các bảng thông báo công khai trong nhà trường, ban hành cơ chế giám sát tại quy chế dân chủ ở cơ sở; Nội quy tiếp công dân; có thể góp ý trực tiếp với lãnh đạo nhà trường hoặc gián tiếp qua Hộp thư, qua thư điện tử hoặc qua tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân[H9-1.9-03] [H9-1.9-04] [H9-1.9-05] [H9-1.9-06] [H9-1.9-07] .

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, các kế hoạch, chương trình công tác được đưa ra thảo luận trong tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, thống nhất trước khi tổ chức thực hiện.

Những năm qua nhà trường không để xảy ra khiếu nại, tố cáo. Mọi phản ánh từ CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh đều được lãnh đạo nhà trường xử lý triệt để, không để tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

Dân chủ trong nhà trường đã góp phần tích cực vào việc xây dựng, giữ gìn sự đoàn kết và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở chưa được thường xuyên, đặc biệt với các báo cáo theo yêu cầu của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ huyện ủy Đắk Mil.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì tốt việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Làm tốt chức năng của Hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm, lấy ý kiến của các cá nhân tổ chức trong việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, nội quy, quy tắc để phù hợp với tình hình mới. Huy động trí tuệ tập thể trong xây dựng các chương trình, các kế hoạch, các mục tiêu phát triển nhà trường, tạo sự đồng thuận cao trước khi tổ chức thực hiện.

Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo yêu cầu của cấp trên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực học đường được nhà trường thể hiện trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H10-1.10-01].

Với việc đảm bảo an ninh, trật tự, nhà trường có các tường rào bao quanh toàn bộ khuôn viên trường, sân tập; bố trí các bóng điện thấp sáng tại những vị trí trọng yếu. Có 02 nhân viên bảo vệ đảm bảo trực 24/24, đã lắp đặt hệ thống camera an ninh giám sát. Nhà trường đã xây dựng, ban hành nội quy bảo vệ cơ quan; có các cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường, giữa nhà trường với công an xã, công an huyện, công an xã trong việc đảm bảo, giữ gìn, xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự đặc biệt khi nhà trường tổ chức các sự kiện lớn. Tổ chức cho học sinh và nhà trường ký cam kết với công an huyện về việc thực hiện tốt các quy định về An toàn giao thông; về pháo nổ [H10-1.10-01] [H10-1.10-02].

Với việc đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích: Nhà trường, Đoàn thanh niên phối hợp với công an huyện đã có những bài nói chuyện, buổi ngoại khóa về an toàn giao thông. Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm rà soát, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị, cơ sở vật chất dạy học môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh như sân chơi, bãi tập, dụng cụ dạy, học...đảm bảo an toàn cao khi sử dụng. Nhà trường có nhân viên kiêm nhiệm công tác y tế, với tủ thuốc y tế thường xuyên cập nhật, trang bị các cơ sở thuốc, dụng cụ y tế dùng cho chăm sóc sức khỏe ban đầu của CB - GV - NV và học sinh. Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho học sinh đầu

cấp, có hệ thống sổ sách theo dõi sức khỏe học sinh trong cả khóa học [H10-1.10-04], [H10-1.10-05].

Với nội dung an toàn phòng, chống cháy nổ: Nhà trường ban hành nội quy, phương án phòng cháy, chữa cháy; có quy chế sử dụng điện trong nhà trường; trang bị đầy đủ các bình chữa cháy, hệ thống bể nước, ụ cứu hỏa, đã có buổi ngoại khóa với nội dung tuyên truyền kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy, tổ chức tập huấn trong CB - GV - NV và học sinh kỹ năng sử dụng bình cứu hỏa mini [H10-1.10-03].

Ngoài ra, nhà trường thường xuyên quan tâm và có các giải pháp đối với công tác phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn bạo lực học đường nên trong các năm qua an ninh, trật tự, an toàn, môi trường cảnh quan nhà trường được đảm bảo, nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn về “An toàn an ninh, trật tự”, có báo cáo điển hình tại Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA, ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” giai đoạn 2015-2020 huyện Đăk Mil và tiếp tục phấn đấu đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" giai đoạn 2021-2025 ; góp phần nâng cao hình ảnh, cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H10-1.10-01],[H10-1.10-02], [H10-1.10-04] .

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác như thông qua sổ liên lạc điện tử, qua đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ đoàn trường, qua đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, đại diện cha mẹ học sinh các lớp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, góp phần đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H10-1.10-06].

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H10-1.10-07], [H10-1.10-08], [H10-1.10-09].

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H10-1.10-07], [H10-1.10-08], [H10-1.10-09].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H10-1.10-01] [H10-1.10-02],[H10-1.10-03] .

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H10-1.10-05] [H10-1.10-06] [H10-1.10-07] [H10-1.10-08][H10-1.10-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm và có các biện pháp, phương án phối hợp với công an xã Đăk Sak và công an huyện đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các tệ nạn xã hội cho học sinh và CB-GV-NV của nhà trường. Đã lắp đặt camera an ninh ở một số nơi quan trọng.

Hàng năm nhà trường duy trì Tổ giám thị thực hiện công tác nề nếp dạy- học, phối hợp Đoàn thanh niên thực hiện công tác nề nếp học sinh đạt hiệu quả tốt.

An ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh, cảnh quan nhà trường được đảm bảo và không ngừng nâng lên, tạo được môi trường học tập an toàn, thân thiện làm cho cha mẹ học sinh yên tâm và tin tưởng.

Dân trí ngày càng cao cho nên các vấn đề an ninh trật tự ngày càng tốt hơn

3. Điểm yếu

Do đặc điểm, tình hình địa phương và nhà trường nên việc đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống tai nạn nước còn hạn chế. Dân cư hỗn hợp của nhiều nơi về sinh sống nên công tác an ninh gặp khá nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học đã đạt được.

Tiếp tục duy trì Hội đồng tư vấn trong nhà trường mà nòng cốt là cán bộ Đoàn thanh niên đã được tham gia tập huấn năm trong học 2019 – 2020. Tìm giải pháp kiểm soát tốt nhất việc sử dụng, đưa thông tin, hình ảnh lên mạng xã hội của học sinh để có các biện pháp ngăn ngừa xảy ra các vụ việc.

Sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp để lắp đặt một số camera an ninh tại những vị trí trọng yếu trong nhà trường.

Tiếp tục phối hợp với các giáo xứ trên địa bàn để tuyên truyền giáo dục ý thức đạo đức, pháp luật cho học sinh

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với công an xã, công an huyện để ngăn ngừa, xử lý những trường hợp an ninh phức tạp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %

+ Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 3: 10/10 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học, cụ thể: Hiệu trưởng có trình độ đào tạo thạc sỹ và có đầy đủ các văn bằng chứng chỉ đáp ứng yêu cầu chức danh. Nhà trường hiện có 01 hiệu trưởng có 02 phó hiệu trưởng, có trình độ đào tạo Thạc sỹ [H11-2.1-01], [H11-2.1-04].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng. Cụ thể, trong tất cả các năm học đảm nhiệm chức vụ, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được Sở GD&ĐT Đắk Nông đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng. Kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức các năm học 2020-2021 của lãnh đạo Sở GD&ĐT Đắk Nông, hiệu trưởng được đánh giá ở mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; các phó hiệu trưởng trong tất cả các năm giữ chức vụ đều được Sở đánh giá ở mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H11-2.1-02], [H11-2.1-03], [H11-2.1-05], [H11-2.1-06], [H11-2.1-07].

c) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều đã có chứng chỉ quản lý giáo dục và LLCT đạt chuẩn. Cả 3 thành viên BGH đều có trình độ CNTT, Tiếng Anh đạt và trên chuẩn và đã được chứng nhận hoàn thành chương trình Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên THPT hạng II [H11-2.1-01], [H11-2.1-04].

Mức 2:

a) năm học 2020-2021 Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng .

b) Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Cụ thể, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều đã có bằng trung cấp lý luận chính trị trở lên, Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm thể hiện qua các biên bản lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường hằng năm ; và các hình thức khen thưởng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng .

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng .

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tâm huyết, trách nhiệm cao trong công tác, có tư duy đổi mới, sáng tạo, có đầy đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học theo quy định, lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ và được CB, GV, NV tín nhiệm cao.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng không ngừng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ lý luận, chuyên môn, quản lý, quản trị nhà trường để nâng cao hơn hiệu quả công tác và đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Cụ thể, hiện tại trường có 47 giáo viên và có 23 lớp nên đạt tỷ lệ 2,04 giáo viên/lớp; đội ngũ giáo viên cơ bản thiếu về số lượng (cục bộ theo môn) và cơ cấu theo

qui định. Tuy nhiên, cơ bản đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường [H12-2.2-01] .

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H12-2.2-02][H12-2.2-05] .

Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên (38 Tốt; 08 Khá; 01 Đạt) [H12-2.2-03][H12-2.2-05] .

- Cuối mỗi năm học nhà trường tiến hành đánh giá chuẩn giáo viên theo 4529 và 4530/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dựa trên kết quả đnahs giá, xếp loại giáo viên, nhân viên thì Hội đồng Thi đua, Khen thưởng sẽ tiến hành xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng trong năm học.

- Nhà trường có đầy đủ Hồ sơ về đánh giá chuẩn giáo viên theo quy định.

- Đầy đủ Hồ sơ Thi đua, Khen thưởng của năm học.

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo không thay đổi nhiều (chỉ có 01 GV đnah theo học cao học đến năm 2023 xong). Số giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn thấp (03 giáo viên) [H12-2.2-05] .

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H12-2.2-04] .

Giáo viên của nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh. Trong 05 năm trở lại đây giáo viên nhà trường đã hướng dẫn cho học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học phổ thông, đã có nhiều sản phẩm dự thi khoa học kỹ thuật cấp trường và 04 sản phẩm được chọn dự thi cấp tỉnh (đã đạt 04 giải từ Khuyến khích trở lên) [H12-2.2-06] . Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H12-2.2-07].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H12-2.2-03] .

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, được cấp ngành và cấp tỉnh công nhận [H12-2.2-06] [H12-2.2-07] .

2. Điểm mạnh

Giáo viên nhà trường 100% đạt chuẩn đào tạo; cơ bản đủ cơ cấu, số lượng; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá, tốt cao; giáo viên tích cực tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm, có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Hiện tại nhà trường còn thiếu 6 GV, trong đó cần nhất là 02 giáo viên môn CN Vật lý, CN Sinh và 1GV Tiếng anh; số giáo viên cốt cán và tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo

trên chuẩn còn thấp; một số giáo viên còn hạn chế về sử dụng công nghệ thông tin, về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu, đề xuất với Sở GD&ĐT Đắk Nông điều tiết giáo viên để đảm bảo về cơ cấu giáo viên theo bộ môn của nhà trường; có các giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên nhà trường; động viên, quan tâm, tạo điều kiện để có thêm giáo viên ôn thi và học cao học nâng cao tỷ lệ đào tạo trên chuẩn; có giải pháp để tự thân giáo viên tích cực tự học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý học sinh, hoàn thiện các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học cần thiết để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu công việc và sự nghiệp đổi mới giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Cụ thể, nhà trường có 06 nhân viên thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động giảng dạy giáo dục, trong đó 01 nhân viên làm công tác kế toán; 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên y tế ; 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên thư viện và 01 nhân viên bảo vệ theo hợp đồng 68. Ngoài ra, nhà trường còn hợp đồng với 01 nhân viên tạp vụ, có sự đồng ý của Sở GD&ĐT Đắk Nông . Số lượng nhân viên của nhà trường đáp ứng các nhiệm vụ được giao [H13-2.3-01] .

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H13-2.3-02] ; .

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ thể hiện ở kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm [H2-2.3-04; hồ sơ thi đua khen thưởng và các báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm [H13-2.3-03] .

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) [H13-2.3-04] ; .

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H13-2.3-03] ; .

Mức 3:

a) Nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H13-2.3-01] . Cụ thể: Nhân viên kế toán có bằng đại học kế toán; nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ có bằng đại học kế toán và chứng chỉ nghiệp vụ văn thư; nhân viên thiết bị có bằng đại học chuyên ngành Hóa và chứng chỉ nghiệp vụ thiết bị trường học; nhân viên thư viện có bằng trung cấp hành chính văn thư và chứng chỉ nghiệp vụ thư viện, nhân viên y tế có bằng trung cấp y tế ; . Nhân viên bảo vệ được phổ biến nội quy, quy định bảo vệ trường, được trang bị các dụng cụ hỗ trợ làm việc và được tham gia tập huấn phòng cháy, chữa cháy [H13-2.3-02] .

b) Hằng năm, các nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H13-2.3-04] .

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Chưa có nhân viên phụ trách CNTT

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các nhân viên không ngừng học tập, chăm chỉ làm việc, tìm các giải pháp để nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu của đổi mới.

Nhà trường bố trí riêng 01 phòng y tế. Quan tâm bổ sung, trang bị các thiết bị y tế thiết thực. Nhân viên tham gia các lớp tập huấn về công tác y tế trường học nếu có đề nâng cao hiệu quả phục vụ.

Tham mưu SGD bổ sung nhân viên phụ trách CNTT

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định tại Điều 37, Điều lệ trường trung học. Học sinh được tuyển vào lớp 10 của nhà trường hằng năm theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh Đắk Nông và của Sở GD&ĐT Đắk Nông. Tuổi của học sinh vào học lớp 10 đúng quy định, thể hiện trong danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT hằng năm và sổ đăng bộ học sinh. Nhà trường không có học sinh lưu ban quá 02 lần trong một khóa học. Cụ thể, năm học 2020-2021 nhà trường tuyển 395 HS vào lớp 10 có độ tuổi từ 15 theo quy định của quy chế tuyển sinh và quy định của Sở GD&ĐT .

Từ năm học 2014 đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% học sinh nằm trong độ tuổi từ 15 đến 19 tuổi, đảm bảo đúng độ tuổi học sinh trung học phổ thông theo Điều 37 Điều lệ trường trung học phổ thông về quy định tuổi học sinh trường trung học (lưu phòng văn thư) [H14-2.4-01] .

b) Học sinh nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường; kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; thực hiện trật tự an toàn giao thông; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; tích cực tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, chăm sóc cây hoa, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện chia sẻ với cộng đồng; giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, được thể hiện qua các hình ảnh về hoạt động của học sinh nhà trường; sổ chủ nhiệm và các báo cáo sơ kết, tổng kết [H14-2.4-02] [H14-2.4-03]

c) Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 39,

Điều lệ trường trung học; được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện; được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp, tự học ở nhà; được cung cấp thông tin về việc học tập của mình; được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định; được tôn trọng và bảo vệ; được đối xử bình đẳng, dân chủ; được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền học chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định theo Điều 37 của Điều lệ trường

trung học; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống; được nhận trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt [H14-2.4-04] .

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp tuyên truyền, phổ biến tới toàn thể học sinh ngay từ đầu khóa học, đầu mỗi năm học các nội quy, quy định của nhà trường về nề nếp, kỷ cương, trật tự trường học thể hiện qua bảng nội quy các lớp học, phòng học bộ môn, bảng điện tử khẩu hiệu tuyên truyền ở cổng trường, sân trường; nói chuyện, tư vấn quy tắc ứng xử của học sinh; định hướng về trang phục, đầu tóc, hình ảnh và nêu các quy định học sinh phải thực hiện tốt, những việc không được làm. Nhà trường chỉ đạo làm tốt công tác chủ nhiệm, công tác phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với giáo viên bộ môn, với Đoàn Thanh niên, với các đoàn thể trong nhà trường, với cha mẹ học sinh; hoạt động tự quản của học sinh các lớp nên nhà trường nắm bắt được tâm lý lứa tuổi và các sự vụ ngay từ ban đầu để có các biện pháp ngăn ngừa phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có nguy cơ bạo lực hoặc vi phạm pháp luật của học sinh. Trong nhiều năm trở lại đây nhà trường không kỷ luật học sinh nào từ mức cảnh cáo ghi học bạ trở lên [H14-2.4-03]; [H5-1.5-03] [H2-1.2-01].

Mức 3:

Học sinh nhà trường có thành tích trong học tập, rèn luyện luôn có ảnh hưởng tích cực trong các hoạt động của lớp và nhà trường giúp các bạn cùng tiến bộ, đóng góp vào thành tích chung của nhà trường. Những học sinh có năng khiếu các môn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động Đoàn được tạo cơ hội khẳng định và tạo nên các hoạt động sân chơi bổ ích, lành mạnh cuốn hút nhiều học sinh tham gia. Nhà trường có nhiều hình thức để ghi nhận, khen thưởng, động viên các học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện [H14-2.4-02] [H14-2.4-04] ; .

2. Điểm mạnh

100% học sinh trong nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định.

Đa số học sinh của trường chăm ngoan, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh, quy định về các hành vi học sinh không được làm và có kỹ năng phòng tránh các tệ nạn xã hội.

Nhà trường luôn quan tâm đến các chế độ chính sách cũng như các quyền và nghĩa vụ của học sinh.

HS nhà trường luôn được đảm bảo quyền bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục, được học tập, vui chơi, phát huy năng khiếu bản thân và được đánh giá trung thực khách quan theo đúng quy định.

Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh chưa thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường, còn có các hành vi học sinh không được làm, chủ yếu ở các học sinh học yếu, như mãi chơi, đua đòi hoặc thiếu sự quan tâm chăm sóc của gia đình.

Một số GVCN chưa bám lớp, dẫn đến còn một số trường hợp HS vi phạm nội quy chưa được phát hiện, giáo dục kịp thời. Ngoài ra, do đặc thù địa phương, nhiều HS còn phải

tham gia lao động cùng gia đình, dẫn đến thời gian dành cho việc học và tham gia các hoạt động giáo dục khác chưa đều đặn. Một số HS chưa thực hiện kịp thời nhiệm vụ của người học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện tuyên truyền giáo dục học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và hiểu rõ các hành vi học sinh không được làm để tránh mắc phải trong các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp. Kịp thời nhắc nhở đối với những vi phạm của học sinh, nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm nhiều lần. Tuyên dương, khen ngợi các học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ.

Duy trì vai trò của lớp trực tuần, của cán bộ Đoàn trường trong việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, nhắc nhở những học sinh vi phạm nội quy của nhà trường, làm tốt công tác thi đua giữa các lớp trong học kỳ và năm học.

Liên hệ kịp thời cha mẹ học sinh khi học sinh gặp khó khăn, cần chia sẻ để phối hợp cùng tháo gỡ, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, những học sinh chưa chăm, chưa ngoan phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường tăng cường tìm các nguồn lực có thể để kịp thời động viên đến học sinh, đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau

năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Nguyễn Du được thành lập năm 2011 theo Quyết định số 1164/QĐ-UB ngày 23/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông với tổng diện tích là 43053,2 m². Nhà trường luôn quan tâm xây dựng cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp, sân trường có cây xanh thoáng mát. Học sinh thường xuyên lao động chăm sóc vườn hoa cây cảnh để giữ sân trường và khuôn viên trường sạch đẹp nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh [H15-3.1-01];[H15-3.1-02].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường đúng Điều lệ trường trung học, có tường xây cao bao quanh toàn bộ khu vực trường, có bảo vệ trực theo quy định [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04]; [H15-3.1-05].

c) Nhà trường có sân chơi, bãi tập đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-1.3-02];[H15-3.1-04].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập thoáng, có nhiều cây xanh, bóng mát đáp ứng tốt cho các tổ chức hoạt động giáo dục như các ngày lễ, hội, cờ chào, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn nghệ, TDTT, ... Vị trí sân tập để học tập, Giáo dục quốc phòng cách xa các phòng học, không ảnh hưởng đến các tiết học khác. Tuy nhiên, có một phần diện tích, bãi biển khác sân chơi, một số chỗ đọng nước về mùa mưa ảnh hưởng không tốt đến việc luyện tập, thể thao và các hoạt động giáo dục [H15-3.1-02];[H15-3.1-03];[H15-3.1-05].

Mức 3:

Tổng diện tích khuôn viên trường là 43.000 m², với tổng số HS thời điểm hiện tại của trường là gần 1000 em, bình quân diện tích/HS là 43 m²/học sinh. có sân chơi bãi tập đạt trên 25% tổng diện tích sử dụng, có trang thiết bị tối thiểu để phục vụ việc luyện tập của học sinh theo quy định [H15-3.1-01];[H15-3.1-03];[H15-3.1-05];[H14-2.4-01].

2. Điểm mạnh

Quyết định giao mặt bằng được lưu giữ đầy đủ. Nhà trường có khuôn viên xanh-sạch - đẹp, thoáng mát, có cổng trường, biển trường đúng quy định.

Diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo đầu học sinh đạt 43 m²/học sinh vượt quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhà đa năng, sân bóng đá, đường chạy... dụng cụ hỗ trợ tập luyện còn hạn chế nên còn khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động luyện tập thể dục thể thao (TDTT), vui chơi giải trí và ngoại khóa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bộ phân lao động trường phối hợp với Đoàn trường, giáo viên chủ nhiệm (GVCN) thường xuyên phân công lớp cụ thể chăm sóc, bảo vệ các cây hiện đang phát triển và tăng cường trồng thêm hoặc thay thế một số cây kém phát triển trong sân chơi, bãi tập nhà trường.

Tham mưu lãnh đạo cấp trên tăng cường bổ sung, xây dựng các hạng mục cơ bản để phục vụ quá trình dạy và học, đặc biệt ở bộ môn thể dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 23 phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết (bảng từ), đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H16-3.2-01].

b) Khối phòng học bộ môn: Có phòng 06 thực hành đang sử dụng gồm 01 phòng bộ môn Lý, 01 bộ môn Hóa, 01 phòng bộ môn Sinh và 03 phòng thực hành Tin học, trong đó 03 phòng thực thành tin được trang bị đầy đủ về máy tính của giáo viên và học sinh, các phòng bộ môn còn lại thiết bị tương đối đầy đủ đáp ứng nhu cầu dạy học [H16-3.2-02].

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn vị trí thuận lợi, đầy đủ trang thiết bị; phòng truyền thống có không gian sạch, đẹp, ý nghĩa [H16-3.2-03] [H16-3.2-04].

Mức 2:

a) Phòng học được kiên cố hóa và đạt chuẩn 28 phòng; phòng học bộ môn mới được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định thiết kế [H15-3.1-02];[H17-3.3-01].

b) Khối phục vụ học tập gồm 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, 01 phòng đồ dùng thiết bị giảng dạy (các phòng học bộ môn thuộc dãy nhà chức năng đều có ngăn chứa đồ dùng, thiết bị và là nơi chuẩn bị dụng cụ, thiết bị thí nghiệm của tiết học) đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H1-1.1-04];[H6-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường có 03 phòng học phòng bộ môn. Nhà trường chưa có phòng để tổ chức hoạt động cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt [H16-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Khối phòng học thông thường có đủ số phòng để học 2 ca trong một ngày, đảm bảo đúng quy cách theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng làm việc đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

Việc quản lý, sử dụng các khối phòng, các loại thiết bị văn phòng thực sự có hiệu quả và đúng theo các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhà đa năng

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức hoạt động cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu với các cấp chính quyền xây dựng thêm nhà đa năng

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung một số thiết bị dạy học cho phòng bộ môn, phòng thí nghiệm để đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học của GV, HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các phòng đáp ứng yêu cầu tối thiểu của hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường: có 03 phòng học tin, phòng thiết bị giáo dục, có phòng truyền thống và phòng Đoàn [H17-3.3-01];[H17-3.3-02].

b) Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên; có khu để xe cho học sinh, được phân riêng từng khối, từng lớp được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự [H17-3.3-01].

c) Nhà trường bổ sung, sửa chữa các thiết bị khối hành chính – quản trị theo định kỳ [H17-3.3-04].

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị theo quy định: Một dãy nhà 02 tầng là khu Hiệu bộ, gồm 01 phòng Hội đồng, 01 phòng hiệu trưởng, 03 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng văn thư- thủ quỹ, 01 phòng kế toán, 01 phòng y tế, 01 phòng công đoàn H3-3.1-02]; [H17-3.3-01].

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H17-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

Các phòng đều được trang bị thiết bị tối thiểu phục vụ cho công việc.

Nhà xe xây dựng kiên cố, thuận tiện, đảm bảo an toàn thuận tiện trong quá trình sử dụng.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn thiếu một số phòng hoạt động chuyên môn (phòng họp của tổ bộ môn);

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần sửa chữa, bố trí thêm các phòng họp tổ bộ môn nhằm phát huy hiệu quả sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có một khu vệ sinh của giáo viên (02 phòng) trong khu nhà Hiệu bộ (nhà A); 08 khu vệ sinh của học sinh, mỗi khu có một phòng nam và một phòng nữ được bố trí thuận tiện, đảm bảo điều kiện làm việc học tập cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng, được vệ sinh thường xuyên và không ô nhiễm môi trường [H18-3.4-01];[H18-3.4-08];[H18-3.4-02].

b) Nhà trường sử dụng nước uống của cơ sở nước lọc Lâm Vy- Đăk Nông đã xét nghiệm đạt chuẩn để cho học sinh và cán bộ giáo viên dùng [H18-3.4-07];[H18-3.4-08].

c) Nhà trường có thuê nhân viên vệ sinh trường lớp hàng ngày, thu gom rác. Có các thùng đựng rác để ở các vị trí hợp lý [H18-3.4-06];[H18-3.4-08].

Mức 2:

a) Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng và không ô nhiễm môi trường, đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H18-3.4-08].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước giếng khoan phục vụ cho việc vệ sinh hàng ngày, có hệ thống thoát nước khu vực trường [H18-3.4-01].

Một số ít học sinh chưa có ý thức tốt trong việc giữ gìn vệ sinh chung, còn xả rác bừa bãi.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo điều kiện làm việc học tập cho giáo viên và nhân viên; hợp đồng thuê lao công quét dọn sân trường sạch sẽ hàng ngày.

3. Điểm yếu

Hệ thống thu gom và xử lý chất thải chưa đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế. Chưa có cơ sở đủ điều kiện để hợp đồng thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch xây dựng hệ thống xử lý chất thải yêu cầu của Bộ GDĐT và Bộ TNMT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động của nhà trường [H19-3.5-01];[H19-3.5-02] ;[H19-3.5-04].

b) Nhà trường được trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu cùng với các thiết bị hiện có của nhà trường, thiết bị dạy học được sắp xếp khoa học tại các phòng học bộ môn và 01 phòng chứa thiết bị của nhà trường [H19-3.5-01];[H19-3.5-02].

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê và có kế hoạch sửa chữa thiết bị hư hỏng [H19-3.5-05];[H19-3.5-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet; phục vụ tốt công tác quản lý [H19-3.5-03].

b) Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học tối thiểu và có các biện pháp bảo quản thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học để phục vụ công tác giảng dạy [H19-3.5-01];[H19-3.5-02];[H19-3.5-04].

c) Hàng năm, ngoài các thiết bị được cấp trên trang bị, nhà trường còn có kế hoạch tự tạo đồ dùng; đầu tư mua sắm và bảo quản, tu sửa thiết bị, đồ dùng bị hỏng, tiêu hao. Xây dựng nội quy sử dụng thiết bị nhằm sử dụng các thiết bị có hiệu quả nhất [H19-3.5-06];[H19-3.5-05].

Mức 3:

Phòng bộ môn các môn học có thí nghiệm, thực hành chưa đủ hóa chất để đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả [H19-3.5-05];[H19-3.5-06].

2. Điểm mạnh

Giáo viên tích cực sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy.

Thiết bị dạy học được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản thuận lợi cho công tác bảo quản, sử dụng.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị, hóa chất đã hết hạn sử dụng nên không đảm bảo chất lượng nên độ chính xác không cao dẫn đến giáo viên khó khăn khi làm các thí nghiệm.

Một số giá để thiết bị dạy học đã bị ăn mòn, một số tranh ảnh đã bị hư hỏng, rách do thời gian.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đề nghị cấp có thẩm quyền tạo điều kiện để mua sắm thiết bị, hoá chất để các phòng bộ môn đạt chuẩn theo quy định.

Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

Phát huy tự làm đồ dùng dạy học cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện của nhà trường cơ bản đạt Thư viện trường học chuẩn cuối năm học 2019 – 2020 [H20-3.6-03]; .

a) Thư viện nhà trường có 01 phòng sách, 01 phòng đọc của giáo viên và học sinh; được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H20-3.6-01].

b) Hoạt động của Thư viện thực hiện qua sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Nhà trường tiến hành tự kiểm tra, rà soát công tác thư viện trong năm học [H20-3.6-07].

c) Hàng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của CBGVNV và học sinh. Việc bổ sung hàng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và các dự án cấp phát của Sở GD&ĐT [H20-3.6-02].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường cơ bản đạt Thư viện trường học chuẩn cuối năm học 2019 – 2020 [H20-3.6-03];[H20-3.6-04].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường cơ bản đạt Thư viện trường học chuẩn cuối năm học 2019 – 2020 [H20-3.6-03];

a) Thư viện nhà trường có 01 phòng sách, 01 phòng đọc của giáo viên và học sinh; được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H20-3.6-01].

b) Hoạt động của Thư viện thực hiện qua sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Nhà trường tiến hành tự kiểm tra, rà soát công tác thư viện trong năm học [H20-3.6-07].

c) Hàng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của CBGVNV và học sinh. Việc bổ sung hàng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và các dự án cấp phát của Sở GD&ĐT [H20-3.6-02].

Thư viện của nhà trường chưa đạt chuẩn Thư viện trường học tiên tiến trở lên nhưng sách tham khảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H20-3.6-01]; [H20-3.6-05];[H20-3.6-07].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có điều kiện về CSVC đảm bảo, có phòng đọc cho giáo viên và học sinh.

Kịp thời cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo cho giáo viên và học sinh góp phần phục vụ tốt trong việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Số đầu sách tham khảo có trong thư viện còn chưa nhiều, chưa đa dạng.

Việc tuyên truyền giới thiệu sách chưa thường xuyên, việc đọc tại chỗ của giáo viên và học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch mua bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật phù hợp nhu cầu học tập hiện nay của giáo viên và học sinh.

Thực hiện việc mượn, trả sách đúng quy định.

Thực hiện tuyên truyền, giới thiệu sách bằng các hoạt động, hình thức phù hợp với đối tượng học sinh THPT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

+ Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 3: 6/6 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục được nhà trường luôn chú trọng và duy trì tốt. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội tốt sẽ tạo ra thế đứng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của nhà

trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế những ảnh hưởng tác động xấu của xã hội đến học sinh, đồng thời đáp ứng, phục vụ tốt nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương. Ngoài ra, nhà trường còn coi trọng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức đoàn thể, xã hội ngoài nhà trường để tranh thủ sự ủng hộ về vật chất cũng như tinh thần để xây dựng CSVN, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện CMHS trường THPT Nguyễn Du được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011). Ban đại diện CMHS trường gồm có 69 thành viên. Ở mỗi lớp đầu năm đều có tổ chức hội nghị CMHS để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp. Ban đại diện CMHS của mỗi lớp gồm có 03 thành viên. Ban đại diện CMHS của trường xây dựng kế hoạch, quy chế, phương hướng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo đúng quy chế và Điều lệ Ban đại diện CMHS quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và CMHS họp định kỳ đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học để kịp thời trao đổi tình hình của nhà trường, của lớp, của học sinh [H21-4.1-01]; [H21-4.1-02]; [H21-4.1-03]; [H21-4.1-04]; [H21-4.1-05]; [H21-4.1-07].

b) Ban đại diện CMHS trường THPT Nguyễn Du có kế hoạch hoạt động theo năm học. Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện CMHS hoạt động theo kế hoạch như họp thường trực, cung cấp thông tin, kế hoạch phát triển của nhà trường. Giáo viên chủ nhiệm lớp thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với CMHS để cùng tham gia chăm lo giáo dục học sinh nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm tiến bộ trong học tập. Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các phong trào hội thi và tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H21-4.1-03] [H21-4.1-04].

c) Ban đại diện CMHS trường THPT Nguyễn Du tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ, được đại diện phụ huynh các lớp thông báo đến các phụ huynh tại cuộc họp phụ huynh học sinh giữa kỳ, cuối năm học [H21-4.1-03]; [H21-4.1-05].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS trường THPT Nguyễn Du đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H21-4.1-03] ; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H21-4.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện [H21-4.1-03];[H21-4.1-06].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; phối hợp với nhà trường trong công tác giảng dạy cũng như giáo dục đạo đức tác phong, rèn kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, còn hỗ trợ kinh phí để khích lệ tinh thần học tập của học sinh trong các hội thi, các hoạt động vui chơi.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh còn chưa nhận thức đúng vai trò của mình trong giáo dục con cái nên thường phó mặc cho Nhà trường do nhận thức của họ còn hạn chế, phương pháp giáo dục chưa phù hợp.

Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường của một số chi hội và phụ huynh chưa thể hiện rõ nét, chưa thường xuyên.

Nhà trường chưa phát huy hết tiềm năng của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong mọi hoạt động để hiệu quả giáo dục học sinh ngày càng cao hơn. Giáo viên chủ nhiệm cần phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS của các chi hội để trao đổi và áp dụng nhiều hình thức trong việc giáo dục đạo đức, việc học tập ở nhà, rèn kỹ năng sống cho học sinh để các em thực hiện tốt nhiệm vụ học sinh.

Ban đại diện CMHS của trường, lớp xây dựng kế hoạch cụ thể gắn với nhiệm vụ năm học của nhà trường để hoạt động thực sự đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch cụ thể phối hợp với Đảng ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương để tổ chức phối hợp các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường; phối hợp với các đoàn thể địa phương về công tác tuyển sinh lớp 10 THPT, thi THPTQG; phối hợp với các đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyên truyền đến học sinh, phụ huynh học sinh, cho học sinh ký cam kết đảm bảo an ninh trật tự khi tham gia giao thông; không buôn bán, sử dụng, vận chuyển pháo,... [H22-4.2-01]

Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,...) ; [H22-4.2-03]

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Hằng năm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần tu sửa CSVC nhà trường [H22-4.2-06]

Mức 2:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H22-4.2-01]

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H22-4.2-03] ;[H22-4.2-06]

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trường đã được UBND huyện Đắk Mil công nhận đạt đơn vị văn hóa năm 2019 [H22-4.2-04]

2. Điểm mạnh

Cấp ủy, chính quyền nhà trường luôn tạo điều kiện về vật chất, tinh thần trong việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân để tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng, phát triển nhà trường.

Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc. Tích cực tham mưu và phối hợp với UBND, công an xã Vũ Bản nơi trường đặt địa điểm để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh.

3. Điểm yếu

Công tác vận động, huy động có lúc chưa thật kịp thời, chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường. Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp do kinh tế của đại đa số phụ huynh còn nghèo.

Có tham gia chăm sóc gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương nhưng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ thường xuyên, chủ động hơn trong việc phối hợp với các đoàn thể ở địa phương trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, tạo môi trường giáo dục lành mạnh cho học sinh.

Tiếp tục duy trì tham mưu và tranh thủ các nguồn lực của các đoàn thể trong và ngoài nhà trường để có kinh phí xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường, kịp thời hỗ trợ đồng viên, khen thưởng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các địa chỉ nhân đạo.

Có kế hoạch tìm địa chỉ cụ thể gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương để tri ân, chăm sóc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi

dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình giáo dục. Ngay từ đầu các năm học nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng bám sát các mục tiêu giáo dục, đáp ứng được quan điểm chỉ đạo của Đảng của tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như các hướng dẫn tổ chức thực hiện của Bộ. Sau khi được Sở GD&ĐT Đắk Nông phê duyệt, nhà trường triển khai thực hiện tới các tổ nhóm và cán bộ giáo viên, nhân viên trong đơn vị. Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn theo đúng quy định [H23-5.1-02] ;[H23-5.1-03]

b) Giáo viên xây dựng nội dung chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H23-5.1-01]

c) Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, thực hiện đánh giá thường xuyên đối với học sinh: đánh giá ý thức học tập trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra cuối học kì, cuối năm học theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Nội dung kiểm tra yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội [H23-5.1-03]

Mức 2:

a) Từ năm học 2017- 2018, nhà trường tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, các tổ xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh; đến năm học 2020 – 2021 đã áp dụng chương trình giáo dục nhà trường ở tất cả các môn học: rà soát sắp xếp lại thành các chủ đề dạy học dành thời lượng cho thực hành; đảm bảo mục tiêu giáo dục, đáp ứng được quan điểm chỉ đạo của Đảng và các hướng dẫn tổ chức thực hiện của Bộ. Sau khi phê duyệt nhà trường triển khai thực hiện tới các tổ, nhóm chuyên môn [H23-5.1-03]

b) Những năm qua nhà trường quan tâm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong đó phát triển học sinh có năng khiếu thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi văn hóa, thể dục thể thao, kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, học sinh khó khăn nhằm bồi dưỡng năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục ; Kết quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa còn chưa được như mong muốn, mới đạt kết quả khá tốt trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi các môn thể dục thể thao[H23-5.1-06]

Mức 3:

Về chuyên môn, hằng tháng nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của mỗi giáo viên đánh giá thêm về chất lượng xây dựng kế hoạch giáo dục theo phương hướng đổi mới, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy . Tuy nhiên, việc phân tích, đánh giá, điều chỉnh chuyên môn còn hạn chế, chưa đi sâu vào được cốt lõi của vấn đề tồn tại.[H23-5.1-01] ;[H23-5.1-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học theo quy định, sắp xếp, tinh giản nội dung dạy học, bổ sung thông tin mới thay thế thông tin cũ lạc hậu; xây dựng được chương trình giáo dục nhà trường định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh ở các môn học.

Giáo viên nhà trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, quá trình kiểm tra đánh giá thúc đẩy quá trình dạy học.

Nhà trường quan tâm phát hiện và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu thể thao đạt kết quả cao: hàng năm luôn đứng trong top 3 của tỉnh về thành tích thi học sinh giỏi, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa cũng được nhà trường quan tâm và đầu tư; rà soát xây dựng kế hoạch phụ đạo những học sinh gặp khó khăn trong học tập và học sinh yếu kém để nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số bộ môn việc thực hiện sắp xếp lại chương trình vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, hiện tại chỉ sắp xếp tổ chức lại phân phối chương trình một cách đơn giản chưa điều chỉnh tổng thể.

Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa còn chưa đạt hiệu quả cao.

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học chưa được nhà trường thực hiện quyết liệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020 tiếp tục điều chỉnh việc xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Trên tinh thần kế thừa chương trình những năm học trước, lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng với chủ đề đó để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; từ đó, xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Trong đó, bổ sung kỹ hơn các hoạt động giáo dục trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống. Học hỏi tham khảo trường bạn trong tỉnh về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa để đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học nhà trường tập hợp danh sách những học sinh có hoàn cảnh khó khăn như con hộ nghèo, hộ cận nghèo, hoàn cảnh đặc biệt khác; rà soát học sinh có năng khiếu thể dục thể thao, học sinh giỏi các môn, học sinh học yếu, kém; học sinh khuyết tật từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập [H24-5.2-01]

b) Nhà trường chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm tiến hành phân loại từng đối tượng học sinh trong lớp mình ngay từ đầu năm học trong đó học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học lực yếu được quan tâm giúp đỡ về vật chất và tinh thần. Học sinh có năng khiếu môn thể thao được giáo viên môn thể dục tuyển chọn huấn luyện, học sinh giỏi văn hóa được bố trí bồi dưỡng theo sự phân công của nhà trường, đồng thời kêu gọi đồng viên hỗ trợ từ các nguồn khác nhau để động viên các em như khen thưởng của hội Khuyến học huyện, khen

thường của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các nguồn khuyến học từ các tổ chức xã hội khác. Qua đó tạo động lực và góp phần không nhỏ vào kết quả và mục tiêu giáo dục đề ra [H24-5.2-02]

c) Cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu trong các đội tuyển học sinh giỏi văn hóa, thể dục thể thao và trong các hoạt động phong trào khác .[H24-5.2-04]

Mức 2:

Với việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiêm túc, kết quả tỷ lệ học sinh yếu kém đã giảm, không để học sinh phải nghỉ học do hoàn cảnh khó khăn, kết quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt được mục tiêu đề ra từ đầu năm [H28-5.6-06]

Mức 3:

Trong năm học, nhà trường luôn chú trọng trong công tác bố trí các giáo viên có năng lực lựa chọn bồi dưỡng từ đầu năm nên trong các kỳ thi nhà trường đều có giải học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh, học sinh giỏi thể dục thể thao có giải cấp huyện, cấp tỉnh, các hoạt động văn hóa văn nghệ của cá nhân và tập thể học sinh nhà trường được các đoàn thể ban ngành cấp trên ghi nhận [H24-5.2-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến các đối tượng học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu tạo điều kiện để các em phát triển năng lực cá nhân và vượt qua hoàn cảnh. Xây dựng kế hoạch và phương thức để tổ chức bồi dưỡng giúp đỡ các đối tượng đạt được hiệu quả giáo dục tích cực;

Nhà trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi kết quả học sinh đạt giải đứng trong top 6 toàn tỉnh, nhiều năm liền trở lại đây đội tuyển học sinh giỏi thể dục thể thao của nhà trường luôn có giải cá nhân và đứng trong top 7 toàn tỉnh.

3. Điểm yếu

Việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa còn chưa đạt kết quả nổi bật. Nhà trường chưa có học sinh giỏi quốc gia, trường thiếu giáo viên nên việc bố trí ôn tập gặp khó khăn. Học sinh đa số ở vùng nông thôn nên còn gặp khó khăn trong học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì phát huy những kết quả giáo dục học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh giỏi. Từ năm học 2019-2020 xây dựng kế hoạch cần triển khai rõ trách nhiệm của từng cá nhân và mục tiêu đạt được cụ thể khi tổ chức giáo dục học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh giỏi. Nhà trường trang bị đủ các thiết bị cho tập luyện các môn thể dục thể thao như bóng bàn, cầu lông, điền kinh để các học sinh tập. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi: bố trí thời lượng bồi dưỡng tăng lên so với năm học 2019 – 2020, động viên khen thưởng học sinh và giáo viên có thành tích trong bồi dưỡng học sinh giỏi được cấp trên ghi nhận, tham khảo cách làm của các trường khác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo công văn số 1459/SGDDĐT-GDTrH ngày 10/9/2018 của Sở GD&ĐT Đắk Nông chỉ đạo nhóm chuyên môn xây dựng các vấn đề trọng tâm giáo dục địa phương tạo động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân [H25-5.3-01] ;[H25-5.3-02]

b) Nhà trường sử dụng tài liệu giáo dục địa phương của các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân của Sở GD&ĐT Đắk Nông phát hành vào giảng dạy và đánh giá trong chương trình giáo dục địa phương. Qua đó, giúp học sinh hiểu biết thêm về văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội của địa phương, khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H25-5.3-03]

c) Đầu mỗi năm học, khi xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, nhà trường đã chỉ đạo các nhóm chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho sát với tình hình thực tế của địa phương trước khi thực hiện [H25-5.3-04]

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương đã góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn. Trong kế hoạch giảng dạy, ngoài việc liên hệ với thực tiễn hoạt động kinh tế - xã hội, văn hoá, lịch sử địa phương; nội dung các bài dạy đảm bảo nội dung giáo dục địa phương ở các phân:

Giảng dạy các tiết học (bài, môđun, chủ đề...) đã quy định dành cho giáo dục địa phương;

Đưa nội dung giáo dục địa phương thành một phần của tiết học (bài, môđun, chủ đề...) .[H25-5.3-07] ;[H25-5.3-08]

2. Điểm mạnh

Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nội dung giáo dục địa phương, kiểm tra đánh giá nội dung giáo dục địa phương đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương theo phân phối chương trình đã quy định.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên cập nhật thông tin của địa phương để bổ sung, thay thế cho những nội dung đã cũ trong tài liệu còn chậm, các hình thức kiểm tra đánh giá còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định.

Tiếp tục đầu tư thời gian, kinh phí để các tổ nhóm chuyên môn sưu tầm tài liệu giáo dục địa phương, phục vụ cho các tiết dạy đạt hiệu quả giáo dục truyền thống cao. Cập nhật kịp thời tài liệu giáo dục địa phương của cấp trên ban hành, tham khảo và khai thác các nội dung về giáo dục địa phương thông qua sách báo và tin tức của địa phương.

Khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo từng tháng gắn liền với các chủ đề trong các năm học từ 2015-2016 đến nay; kế hoạch hoạt động trải nghiệm từ năm học 2016 – 2017 đến nay và đặc biệt kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho học sinh được xây dựng theo từng năm học trong đó chú trọng đến các em học sinh khối 12 [H26-5.4-01] ; [H26-5.4-02] ; [H26-5.4-03] .

b) Từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020- 2021, nhà trường thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch, tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động gắn liền với các chủ đề chủ điểm từng tháng dưới hình thức sân khấu hóa. Từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2020 – 2021, nhà trường đã tuyên truyền để tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm đối với học sinh, trong đó đa dạng các hình thức trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp cho học sinh khối lớp 12 được triển khai theo đợt nhằm giúp các em có sự chuẩn bị tốt nhất là bước khởi đầu quan trọng cho sự định hướng và dự định tiếp theo [H26-5.4-04] ; [H26-5.4-06]

c) Trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ và hướng nghiệp, nhà trường huy động các giáo viên chủ nhiệm tham gia quản lý và phụ trách nội dung các hoạt động được tổ chức trong phạm vi của lớp; phân công giáo viên môn Giáo dục công dân phụ trách nội dung các hoạt động tổ chức phạm vi rộng [H26-5.4-02] ; [H26-5.4-03]

Mức 2:

a) Nhà trường chỉ đạo các bộ phận tổ chức trong đó đa dạng hình thức trải nghiệm: Phạm vi trong giờ học với các tiết thực hành thí nghiệm khám phá tìm tòi phát hiện kiến thức; các hoạt động ngoài giờ như câu lạc bộ văn nghệ, tập thể dục giữa giờ, thi đấu thể thao, giúp nhân dân địa phương, trải nghiệm nghiên cứu di tích lịch sử Đồi 722. Tuy nhiên hoạt động trải nghiệm của nhà trường ngoài phạm vi địa phương còn ít do điều kiện kinh phí eo hẹp. [H26-5.4-06]

b) Sau mỗi đợt tổ chức hoạt động ngoài giờ nhà trường đánh giá việc thực hiện kế hoạch từ đó đánh giá thực trạng, đề ra giải pháp cho năm học tiếp theo thực hiện tốt hơn. [H26-5.4-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh được học ngoài giờ, tham gia các hoạt động trải nghiệm, thi nghề phổ thông.

3. Điểm yếu

Hoạt động trải nghiệm ngoài địa phương còn mới nên kỹ năng tổ chức còn lúng túng.

Các hoạt động trải nghiệm cần kinh phí tự túc của học sinh nên một số học sinh không có điều kiện tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 – 2021 tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn liền với các môn học, mỗi môn học tổ chức các tiết trải nghiệm để tìm tòi phát hiện kiến thức cũng như vận dụng củng cố kiến thức sử dụng kiến thức vào thực tiễn. Lựa chọn hoạt động tập thể trải nghiệm trong trường như múa dân vũ, hoạt động thể dục đồng diễn và thi đấu thể thao.

Tổ chức một hoạt động trải nghiệm toàn trường bố trí ngoài địa phương có sự tham khảo ý kiến của gia đình học sinh như một số địa danh hoặc cơ sở sản xuất để học sinh được trải nghiệm thực tế những gì học trong sách vở.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyên biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyên thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Với sự tham mưu của Đoàn trường và tổ chuyên môn Văn, Giáo dục công dân, Lãnh đạo trường kiểm tra và duyệt kế hoạch giáo dục kỹ năng sống từng năm học; trong đó đa dạng hình thức giáo dục kỹ năng sống từ việc xây dựng kế hoạch bài dạy, đến tổ chức các hoạt động tập thể [H27-5.5-01]

b. Hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường tổ chức thông qua các tình huống cụ thể, tổ chức lồng ghép trong các môn học, hoạt động tập thể và các hoạt động trải nghiệm: Giáo dục học sinh ý thức chấp hành luật giao thông, cách phòng tránh tai nạn giao thông qua môn học Giáo dục công dân, bài giảng an toàn giao thông. Chú trọng các kỹ năng giao tiếp thiết yếu cho học sinh; kỹ năng ứng xử biết kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm .[H27-5.5-02] ;[H27-5.5-03]

c. Các nội dung giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần nói riêng, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh có tác động tích cực tới việc hình thành nhân cách học sinh, đạo đức học sinh có chuyển biến tích cực [H27-5.5-04]

Mức 2:

a. Nhà trường thực hiện đa dạng hóa hình thức kiểm tra đánh giá trong đó kiểm tra định kỳ, thường xuyên, hình thức tự luận, trắc nghiệm và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và nhận xét đánh giá bài học cụ thể. [H27-5.5-02]

b. Học sinh nhà trường từng bước vận dụng kiến thức vào thực tiễn bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề thuộc về nhận thức và việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày như làm bài thực hành, làm thí nghiệm, áp dụng trong chăn nuôi, trồng trọt, giải thích các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề sinh học trong nông nghiệp [H27-5.5-03] ;[H27-5.5-04]

Mức 3:

Hàng năm nhà trường phát động phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh toàn trường. Trên cơ sở hướng dẫn của giáo viên, học sinh nhà trường đã hoàn thành 02 sản phẩm tham gia dự thi cấp tỉnh. Tuy nhiên, nghiên cứu khoa học chưa thực sự thành phong trào đối với toàn bộ học sinh, mới chỉ có một nhóm nhỏ học sinh tham gia. [H27-5.5-04] ;[H27-5.5-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, trong đó có thuê chuyên gia về trao đổi với học sinh về lí tưởng sống cho học sinh.

Học sinh được giáo dục và hình thành các kỹ năng cơ bản để hình thành nhân cách công dân.

3. Điểm yếu

Tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh còn hạn chế, giáo viên chưa được tập huấn thường xuyên về nội dung giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống nên việc dạy lồng ghép kỹ năng sống vào các môn học còn hạn chế.

Phong trào nghiên cứu khoa học chưa được toàn bộ học sinh hưởng ứng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể cho học sinh; rèn luyện các kỹ năng cơ bản nhất để học sinh có thể vận dụng vào cuộc sống sau này.

Tiếp tục phối kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, các lực lượng xã hội, các tổ chức trong nhà trường để tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn kinh phí, kêu gọi sự ủng hộ từ cha mẹ học sinh cho các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

Triển khai tuyên truyền, hướng dẫn tới học sinh để học sinh tự giác có ý tưởng nghiên cứu khoa học từ đó chọn lựa những dự án khả thi, kêu gọi sự hỗ trợ từ các nhà hảo tâm, hội phụ huynh học sinh để có kinh phí hoàn thành dự án.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc

cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ cốt lõi, đóng vai trò then chốt quyết định đến sứ mệnh và thương hiệu của nhà trường. Nhà trường chú trọng xây dựng kế hoạch từng năm học, đặt các mục tiêu chỉ tiêu cần đạt đối với giáo dục đạo đức, giáo dục văn hóa, có nhiều biện pháp tích cực để nâng cao kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh năm học 2020 - 2021. Cụ thể như sau:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh năm học 2020 - 2021 cơ bản đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H28-5.6-01]

- Học lực :

+ Kế hoạch đầu năm học : Giỏi 7 % , Khá 45 %

+ Kết quả cuối năm học : Giỏi 5.64% , Khá 38.31%

- Hạnh kiểm :

+ Kế hoạch đầu năm học : 95% học sinh hạnh kiểm khá tốt, hạn chế học sinh hạnh kiểm yếu

+ Kết quả cuối năm học : Khá Tốt 98.33 % , TB 1.67% , Yếu 0,0%

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp năm học 2020 - 2021 cơ bản đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H28-5.6-02] ;[H28-5.6-03]

- Lên lớp :

+ Kế hoạch đầu năm học : 98 %

+ Kết quả cuối năm học : 96.45%

- Tốt nghiệp :

+ Kế hoạch đầu năm học : 95 %

+ Kết quả cuối năm học : 96.45%

c) Công tác phân luồng học sinh được nhà trường quan tâm, hằng năm học sinh khối 12 được tuyên truyền nhận thức, ý thức nghề nghiệp trước khi dự thi THPT quốc gia nên các em chủ động định hướng việc học tập sau khi tốt nghiệp[H28-5.6-03]

Nhận xét

Mức 2:

a) Trong những năm trở lại đây, tỉ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi luôn đạt yêu cầu của nhà trường; nề nếp và kỷ luật của học sinh đã được cải thiện rõ rệt so với trước, tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm khá, tốt cũng đạt yêu cầu của nhà trường [H28-5.6-04] ;[H28-5.6-05] ;[H28-5.6-07]

- Năm học 2015 - 2016: Tỉ lệ học sinh khá, giỏi 51.95 % hạnh kiểm khá, tốt 98,93 %
- Năm học 2016 - 2017: Tỉ lệ học sinh khá, giỏi 49.35 % hạnh kiểm khá, tốt 98,70 %
- Năm học 2017 - 2018: Tỉ lệ học sinh khá, giỏi 50.60 % hạnh kiểm khá, tốt 99,20 %
- Năm học 2018 - 2019: Tỉ lệ học sinh khá, giỏi 49.46% hạnh kiểm khá, tốt 97,98 %
- Năm học 2019 - 2020: Tỉ lệ học sinh khá, giỏi 45.93 % hạnh kiểm khá, tốt 99,53 %
- Năm học 2020 - 2021: Tỉ lệ học sinh khá, giỏi 43.95 % hạnh kiểm khá, tốt 98,33 %

b) Cùng với những kết quả đạt được về học lực, hạnh kiểm trong những năm gần đây thì tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp và học sinh lưu ban đều chuyển biến theo hướng tích cực tạo được niềm tin của nhân dân địa phương [H28-5.6-03]

- Năm học 2015 - 2016: Học sinh tốt nghiệp 94,35%
- Năm học 2016 - 2017: Học sinh tốt nghiệp 96,98%
- Năm học 2017 - 2018: Học sinh tốt nghiệp 99,53%
- Năm học 2018 - 2019: Học sinh tốt nghiệp 93,54%
- Năm học 2019 - 2020: Học sinh tốt nghiệp 98,79%
- Năm học 2020 - 2021: Học sinh tốt nghiệp 96,45%

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh [H28-5.6-01]

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi : 5.64 %
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá : 38.31%

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém : 3.55%
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt : 98,33%

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban [H28-5.6-08] ;[H28-5.6-09] ;[H28-5.6-10]

- Học sinh bỏ học : 0,52%
- Học sinh lưu ban : 3.55%

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng và có nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ tốt nghiệp THPT;

Hạnh kiểm, học lực, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong đó nề nếp học sinh có sự thay đổi rõ nét.

3. Điểm yếu

Trường vẫn còn học sinh xếp loại học lực yếu. Trong 05 năm gần đây vẫn còn có một lượng nhỏ học sinh bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng việc cải tiến xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động chuyên môn hằng năm phải cụ thể, chính xác, khoa học phù hợp với điều kiện đội ngũ và cơ sở vật chất của nhà trường. Chú trọng việc phân công chuyên môn đảm bảo đúng người, đúng việc, đúng năng lực chuyên môn, gắn trách nhiệm của cá nhân khi tập thể giao nhiệm vụ.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn tiếp tục chỉ đạo giáo viên thường xuyên, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc trưng môn học, đặc điểm lứa tuổi, đối tượng học sinh, bồi dưỡng ý thức tự học trong học sinh. Sử dụng hợp lý sách giáo khoa, thiết bị dạy học và ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực học sinh, theo chuẩn kiến thức kỹ năng; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh.

Quan tâm đến học sinh gặp khó khăn trong học tập, hỗ trợ giúp đỡ học sinh yếu, học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh nhận thức chậm để các em hòa nhập cùng với tập thể lớp.

Xây dựng môi liên hệ thường xuyên giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để có biện pháp giáo dục học sinh kịp thời, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 6/6 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Kết luận:

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: (28/28) (20/20) tiêu chí chiếm 100 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
- + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN DU tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt mức độ 2 trường chuẩn Quốc Gia.

....., ngàytháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phần IV
PHỤ LỤC